

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 297/2023/HS-ST

Ngày: 11/12/2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Vũ Thanh Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Bạch

Ông Phạm Minh Khiết

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Kim Cương - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 379/2023/TLST-HS ngày 01/11/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 399/2023/QĐXXST-HS ngày 27/11/2023 đối với bị cáo:

LVM; Sinh năm: 19XX, tại: QB; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 3 TS, xã TH, huyện TH, tỉnh QB; Chỗ ở: XX/1C LCH, phường TN, thành phố VT, tỉnh BRVT; Quốc tịch: VN; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Họ và tên cha: LMH, chết năm 20XX; Họ và tên mẹ: CTT, sinh năm: 19XX; Họ và tên vợ: NTT, sinh năm: 19XX; Có 01 người con, sinh năm 20XX; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 0X/1X/20XX (*Bị cáo có mặt*).

- Những người tham gia tố tụng:

Bị hại: ông NVL, sinh năm 19XX và bà NTH, sinh năm 19XX; Địa chỉ: ấp BT, xã BK, huyện CG, Thành phố H. (*vắng mặt*)

Người bào chữa cho bị cáo LVM: ông NVQ – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, Văn phòng Luật sư BT. (*có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 9/20XX, LVM, PQT, SRT và anh NVL, chị NTH (anh L, chị H sống chung như vợ chồng) cùng thuê phòng trọ trong khu nhà cho thuê trọ tại địa chỉ G16/XX ấp X, xã LMX, huyện BC, Thành phố H. Tại đây, anh L và chị H có mượn của M số tiền X.000.000 đồng, của T số tiền X.000.000 đồng, của Tsố tiền X.000.000 đồng. Sau đó, anh L, chị H không trả lại tiền mà cả hai chuyển đi nơi khác sinh sống.

Ngày 2X/1X/20XX, M qua phòng của T, T nói có cách dụ anh L ra gặp mặt và nói *“Nó cũng có nợ tiền tại đây, tại đây đi theo đi, có đòi được tiền thì đòi”*, nghe vậy T và T đồng ý. Đến khoảng 1X giờ X0 phút cùng ngày, M điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu vàng (không rõ biển số), còn T điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Luvias màu trắng bạc, biển số XXB3 - 257.XX chở T đi gặp L. Khi đến quán nước ven đường đối diện địa chỉ 5X Đường Số X nói dài thuộc khu phố X, phường A, quận BT, Thành phố H thì nhìn thấy anh L và một cô gái (không rõ lai lịch) ngồi uống nước, M chạy xe tới, còn T và T chạy theo sau đến chỗ anh L thì cô gái này bỏ đi. Tại đây, M đứng đối diện với L và hỏi *“Tiền nợ của tao mày tính sao?”*, thì L trả lời *“Từ từ có tiền thì trả”*. Nghe vậy, M dùng tay nắm thẳng vào miệng L một cái chảy máu miệng làm L té ra phía sau xuống ghế, M dùng chân phải đá ngang 01 cái vào cạnh ghế trúng người L làm L té ngã xuống đất, L ngồi dậy và ngồi xuống đất thì bị M dùng chân đá vào người L làm L té ngã đập đầu vào dải phân cách bằng xi măng trên vỉa hè, thấy M đánh anh L nhiều nên T và Th chạy vào can ngăn, đỡ anh L ngồi dậy. Lúc này, M bảo Th lục túi xách màu đen của anh L đang đeo trên người xem có tài sản gì không để M tính toán trừ nợ, nhưng không có tài sản gì. M hỏi L xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo màu đỏ đen trắng, biển số XXB2 - 163.XX của ai, L nói xe không phải của L, M bảo T mở cốp xe để kiểm tra xem có tài sản gì trừ nợ không, nhưng cũng không có tài sản gì chỉ có tờ giấy mua bán xe do chị H đứng tên mua, M hỏi L sao không có tiền trả nợ mà có tiền mua xe thì L nói mượn xe của người khác, M tiếp tục lấy 01 cây côn nhị khúc bằng kim loại màu trắng (không rõ kích thước) đã chuẩn bị sẵn trong áo khoác ra đánh vào hai chân của L. M bảo L gọi điện về cho chị H mang tiền đến trả nợ, nên L gọi điện thoại cho chị H và tất cả cùng chờ chị H tới trả nợ. Lúc này, Th có công việc riêng nên nói với M về trước, nhưng do có 03 xe mô tô nên M bảo Th chạy xe Nouvo biển số XXB2 - 163.XX của L về phòng trọ trước; còn M, T và anh L tiếp tục chờ chị H tới, tuy nhiên chờ một lúc nhưng không thấy chị H tới nên M, T đưa anh L lên xe mô tô hiệu Exciter để M chở L, còn T điều khiển xe mô tô hiệu Luvias chạy theo về nhà trọ. Trên đường đi, chị H gọi điện thoại cho T hỏi địa chỉ để đến thì T bảo chị H chạy đến khu nhà trọ tại địa chỉ GXX/2X ấp 7, xã LMX, huyện BC. Khi về tới phòng trọ số 1X của M, M để L ngồi dựa vào cửa phòng, còn M cùng T và Th đứng xung quanh canh giữ L chờ chị H đến. Một

lúc sau, L thấy mệt nên xin M cho vào phòng của M nằm nghỉ, thì M đồng ý; còn M, T, Th ngồi trước cửa phòng quan sát L và chờ chị H đem tiền đến trả nợ.

Đến khoảng 2X giờ cùng ngày, chị H đến phòng trọ của M. Tại đây, chị H thấy L nằm trong phòng bị nhiều thương tích nên chị H tức giận la lớn rồi dùng tay đánh và cào cấu vào ngực M, M liền dùng tay tát lại trúng vào mặt chị H 01 cái, nhưng không ai bị thương tích gì. Lúc này, M bảo chị H trả nợ nhưng chị H không có tiền nên M bảo chị H đem xe mô tô hiệu Nouvo biển số XXB2-163.XX đi cầm cố để lấy tiền trả nợ, nhưng do đã khuya, lại không đem giấy tờ xe và không biết nơi nào cầm xe nên không thể đem xe đi cầm cố được nên M bảo chị H viết giấy cam kết trả nợ số tiền XX.000.000 đồng (gồm tiền nợ của M là X.000.000 đồng, của T X.000.000 đồng và của T X.000.000 đồng) và hẹn trong vòng 02 tuần đem tiền tới trả, để đảm bảo việc trả nợ M bảo chị H để lại xe Nouvo làm tin do thấy L bị thương tích trên người, lo ngại tính mạng của L nguy hiểm nên chị H đồng ý và viết giấy nợ như nội dung đã thỏa thuận trên rồi chị H đưa anh L đến bệnh viện điều trị thương tích. Sáng hôm sau, M nhờ anh ĐQH đem xe Nouvo gửi nhà xe của công ty ĐD (M, H làm chung công ty), còn M bỏ trốn. Ngày 2X/XX/20XX, chị H đến Công an phường A, quận BT, Thành phố H trình báo. Vụ việc được chuyển đến Cơ quan điều tra để điều tra theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ, tạm giữ của vụ án: Đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2019/HSST ngày 2X/X/2019 của Tòa án nhân dân quận BT, Thành phố H.

Ngày 2X/1X/20XX, anh L có đơn đề nghị giám định tỷ lệ thương tật và yêu cầu xử lý hình sự các đối tượng bắt, giữ và gây thương tích.

Tại Bản giám định pháp y về thương tích số 188/TgT.19 ngày XX/X/20XX của Trung tâm pháp y Sở Y tế Thành phố H, kết luận thương tật của anh NVL như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Chấn thương đầu gây chảy máu dưới nhện ít tại vùng đỉnh phải đã được điều trị nội bảo tồn, hiện hồi phục tốt, ổn định.

Có tỉ lệ 16% (Mười sáu phần trăm).

Nhiều khả năng do vật tày tác động.

- Chấn thương gây gãy các răng cửa hàm trên, đã được điều trị phục hình răng sứ từ 13 đến 22.

Có tỉ lệ 04% (Bốn phần trăm).

Thương tích do vật tày tác động gây ra.

- Hiện không có dấu vết gì ở chân trái, ổn định.

Có tỉ lệ 00% (Không phần trăm).

Không đủ cơ sở xác định hung khí.

Cộng lùi các tỉ lệ trên sẽ ra tỉ lệ 19,36%, làm tròn số sẽ là 19% (Mười chín phần trăm).

2. Theo Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ Y tế quy định tỉ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần:

- Tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 19% (Mười chín phần trăm).

3. Kết luận khác:

- Các thương tích không nguy hiểm đến tính mạng đương sự.

- Không có cơ sở định chiều hướng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 172/KL-HĐĐGTS ngày 0X/X/20XX của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận BT, kết luận: 01 xe Nouvo biển số XXB2-163.XX, số khung: RLCN5P110AY2351XX, số máy: 5P11-2351XX, đã qua sử dụng trị giá X.000.000 đồng.

Ngày 0X/1X/20XX, LVM ra đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo LVM đã bồi thường chi phí điều trị thương tích cho anh NVL số tiền XX.000.000 đồng, anh L có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho M.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo LVM đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên phù hợp với lời khai người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản xác định địa điểm, biên bản đối chất, biên bản nhận dạng, kết luận giám định thương tích, kết luận định giá tài sản và vật chứng thu giữ.

Bản cáo trạng số 191/CT-VKS ngày 2X/X/20XX của Viện kiểm sát nhân dân quận BT, Thành phố H đã truy tố bị cáo LVM ra trước Tòa án nhân dân quận BT, Thành phố H để xét xử về tội “*Cố ý gây thương tích*”; “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và “*Cưỡng đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận BT đã đánh giá tính chất nguy hiểm cho xã hội về hành vi phạm tội của bị cáo M, đánh giá các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố, luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tại điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 tuyên bố bị cáo LVM phạm vào tội “*Cố ý gây thương tích*”; “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và “*Cưỡng đoạt tài sản*”, đề nghị xử phạt bị cáo LVM với mức án tù: 02 (Hai) năm đến 03 (Ba) năm tù về tội “*Cố*

ý gây thương tích”; từ: 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và từ 01 (Một) năm đến 02 (Hai) năm tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”” và đề nghị tổng hợp hình phạt của cả 03 tội theo quy định của pháp luật;

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng. Về hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự: Đại diện Viện kiểm sát không đề nghị xem xét.

Luật sư NVQ bào chữa cho bị cáo LVM trình bày: đồng tình với tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo LVM. Tuy nhiên, bị cáo M đã ra đầu thú khi biết được sự việc và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị hại cũng có lỗi một phần trong sự việc giữa bị cáo và bị hại vì bị hại vay tiền nhưng không trả mà còn trốn tránh; bị hại cũng đã xin bãi nại giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử phạt bị cáo với mức án phù hợp.

Bị cáo M không tranh luận và bào chữa gì về hành vi đã bị truy tố và nói lời sau cùng xin giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra - Công an quận Bình Tân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị cáo LVM, đã khai nhận toàn bộ hành vi: Trong khoảng thời gian từ 1X giờ X0 phút đến khoảng 2X giờ của ngày 2X/1X/20XX, bị cáo M, T, Th đến quán nước ven đường đối diện số XX Đường Số X nôi dài, khu phố X, phường A, quận BT, Thành phố H gặp anh NVL để yêu cầu L trả nợ XX.000.000 đồng. Do L không trả còn có lời lẽ thách thức nên M đã có hành vi dùng tay, chân và côn nhị khúc bằng kim loại đánh anh L bị thương tích 19%; rồi M cùng T chở anh L về phòng trọ số 1X của M thuê ở tại địa chỉ GXX/21 ấp X, xã LMX, huyện BC và cùng Th tiếp tục canh giữ anh L chờ chỉ

NTH đem tiền đến trả nợ. Tại đây, M bảo chị H đem xe đi cầm để lấy tiền trả nợ cho L, do không đem giấy tờ xe, trời đã khuya nên chị H không thể cầm xe được. Bị cáo M yêu cầu chị H viết giấy nhận nợ XX.000.000 đồng và để lại xe Nouvo làm tin rồi mới chở anh L về, chị H đồng ý viết giấy nhận nợ rồi đưa anh L đến bệnh viện điều trị thương tích. Tổng số tiền bị cáo M chiếm đoạt là X.000.000 đồng, như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và vật chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định hành vi nêu trên của bị cáo LVM đã phạm vào tội “*Cố ý gây thương tích*”; “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và “*Cưỡng đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân đánh giá nội dung vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo M về tội “*Cố ý gây thương tích*”; “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134; Khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo M thuộc trường hợp cố ý phạm tội, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo không những gây hoang mang cho bị hại, ảnh hưởng đến tinh thần và sức khỏe của bị hại mà còn gây mất an ninh trật tự và an toàn xã hội nơi công cộng. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án này với mức án tương xứng mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa cho toàn xã hội.

Xét trong vụ án này, bị cáo M là người khởi xướng, chủ mưu và là người trực tiếp thực hiện tội phạm, T và Th là người giúp sức nên Hội đồng xét xử xem xét mức án tương xứng hành vi phạm tội thì mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo đã đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại và bị hại đã xin bãi nại, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Do đó, Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về hình phạt bổ sung: không.

[4] Về trách nhiệm dân sự: không có.

[5] Về xử lý vật chứng: đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2019/HSST ngày 22/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đối với PQT, SRT là đồng phạm với bị cáo LVM về hành vi “Bắt, giữ người trái pháp luật” và đã xét xử xong theo Bản án hình sự sơ thẩm số 93/2019/HSST ngày 22/5/2019 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[7] Đối với hành vi “Cố ý gây thương tích” và “Cưỡng đoạt tài sản”, nhận thấy T và Th được bị cáo M rủ đi theo chỉ để đòi tiền anh L. Khi gặp anh L thì M dùng tay, chân, côn nhị khúc đánh anh L còn T và Th không tham gia đánh mà còn can ngăn bị cáo M, không cho đánh anh L; tại nhà trọ của M, bị cáo M có hành vi yêu cầu chị H viết giấy nhận nợ, để xe mô tô Nouvo lại thì mới cho chị H đưa anh L về, T và Th không tham gia nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý T, Th với vai trò đồng phạm với bị cáo M về hành vi “Cố ý gây thương tích” và “Cưỡng đoạt tài sản” là có căn cứ.

[8] Bị cáo LVM phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 55, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo LVM 02 (Hai) năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”; 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” và 01 (Một) năm tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả ba tội là 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính kể từ ngày 06/12/2022.

2. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo LVM phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q.Bình Tân;
- CQĐTCA Q.Bình Tân;
- CQ THAHSCA Q.Bình Tân;
- NTG CA Q.Bình Tân;
- Phòng PC64- CATPHCM;
- Sở Tư pháp;
- Chi cục THADS Q.Bình Tân;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án –Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Vũ Thanh Phương